**ĐỀ CƯƠNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005 (Luật số 50/2005/QH11) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Luật số 36/2009/QH12) và năm 2019 (Luật số 42/2019/QH14) (sau đây gọi là “Luật Sở hữu trí tuệ”) là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến loại tài sản đặc biệt - tài sản trí tuệ.

Qua thực tiễn hơn 15 năm thi hành, Luật Sở hữu trí tuệ đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sáng tạo, khai thác, sử dụng và thụ hưởng các tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, thực thi pháp luật trong nước và hội nhập quốc tế; cho các tổ chức, cá nhân xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, Luật Sở hữu trí tuệ còn là nền tảng đưa hệ thống bảo hộ SHTT của Việt Nam đạt chuẩn mực theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT (TRIPS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cũng như đáp ứng các nghĩa vụ theo cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới gần đây.

Tuy nhiên, thực tiễn hơn 15 năm thi hành, cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy Luật Sở hữu trí tuệ còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định. Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ; đảm bảo phù hợp với các văn bản trong hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật chuyên ngành; đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, yêu cầu của công cuộc cải cách thủ tục hành chính cũng như để bảo đảm thi hành các cam kết về SHTT trong các FTA mà Việt Nam đã và đang đàm phán hoặc đã ký kết, phê chuẩn, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên cơ sở phát huy ưu điểm và khắc phục các hạn chế của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

**1. Mục đích**

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế SHTT; khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn 15 năm thi hành; thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế; từ đó hoàn thiện thể chế về SHTT theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, quyền SHTT được bảo vệ và thực thi hiệu quả, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về SHTT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về SHTT; kế thừa giá trị của các văn bản pháp luật đã có từ trước; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể gồm người sáng tạo, bên sử dụng, công chúng thụ hưởng; bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và sự tương thích với các điều ước quốc tế có nội dung về SHTT mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghệ và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó; hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, nghệ thuật, khoa học; khuyến khích tổ chức, cá nhân sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu trong các lĩnh vực; bảo hộ quyền SHTT theo quy định tại Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

Ngày 31/01/2019, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 983/VPCP-PL gửi các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá một cách toàn diện pháp luật về sở hữu trí tuệ để đề xuất phạm vi sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, cụ thể như sau:

Ngày 17/10/2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 3297/BKHCN-SHTT gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT.

Ngày 30/10/2019, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 218/BC-BTP gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về thẩm định Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp tại Công văn số 218/BC-BTP ngày 30/10/2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Báo cáo số 3501/BC-BKHCN về giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo số 3502/BC-BKHCN đánh giá tác động dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT và trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT (Tờ trình số 3503/TTr-BKHCN).

Ngày 29/02/2020, Chính phủ đã có Tờ trình số 67/TTr-CP trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, theo đó Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đề nghị được trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV.

Ngày 10/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 106/2020/QH14 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, theo đó, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ sẽ trình Quốc hội cho ý kiến (điểm b khoản 3 Điều 2).

Ngày 11/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 999/QĐ-TTg về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, dự thảo Nghị quyết được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và trình Chính phủ vào tháng 6/2021.

Ngày 14/8/2020, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Quyết định số 2211/QĐ-BKHCN). Ban soạn thảo đã thống nhất phân công phần Quyền tác giả và quyền liên quan do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, nghiên cứu, soạn thảo; phần Quyền sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, nghiên cứu, soạn thảo; phần Quyền đối với giống cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, nghiên cứu, soạn thảo; phần Quy định chung và Bảo vệ quyền SHTT do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, soạn thảo. Thời gian qua, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tổ chức nhiều cuộc họp để trao đổi cho ý kiến và thống nhất về dự án Luật.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN**

**1. Phạm vi sửa đổi, bổ sung**

 Các nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào 7 nhóm nội dung chính trong các chính sách đã được Quốc hội thông qua, bao gồm:

***1.1 Chính sách 1:*** Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan;

***1.2*** ***Chính sách 2:*** Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra từ ngân sách Nhà nước;

***1.3 Chính sách 3:*** Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp;

***1.4 Chính sách 4:*** Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

***1.5 Chính sách 5:*** Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ;

***1.6 Chính sách 6:*** Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

***1.7 Chính sách 7:*** Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập.

**2. Bố cục**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, gồm 04 Điều: Điều 1, sửa đổi, bổ sung 102 điều của Luật SHTT (sửa đổi, bổ sung 88 điều hiện hành, bổ sung 14 điều mới) và bãi bỏ 02 điều;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật khác có liên quan: Luật Hải quan (tên Mục 8 Chương III, khoản 2 Điều 73); Luật Khoa học và Công nghệ (Điều 41, Điều 43); Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 4 Điều 105); Luật Giá (Điều 19, Điều 22);

Điều 3. Hiệu lực thi hành;

Điều 4. Quy định chuyển tiếp.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023. Quy định về bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu âm thanh có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2022. Quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2024.

**3. Những chính sách, điểm mới căn bản và quan trọng nhất trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT**

Nội dung sửa đổi Luật SHTT tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn, bao gồm:

**Chính sách 1:** Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao Quyền tác giả (QTG), Quyền liên quan đến quyền tác giả (QLQ), cụ thể:

- Các quy định liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản (chủ sở hữu, tác giả, người biểu diễn) được quy định rõ ràng và cụ thể hơn, giúp cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng trong các hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao QTG, QLQ được thuận lợi hơn.

- Điểm nổi bật của dự thảo Luật là quy định cho phép chuyển giao một số quyền nhân thân theo thỏa thuận (thỏa thuận đặt tên, sửa đổi tác phẩm) phù hợp với đặc thù của lĩnh vực quyền tác giả nhằm giải quyết những vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thời gian qua như trường hợp có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm, sửa đổi, nâng cấp chương trình máy tính v.v.

**Chính sách 2:** Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách Nhà nước

Luật quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn.

Quy định cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả

**Chính sách 3:** Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ, thủ tục xác lập quyền SHCN:

Theo đó, dù là quyền được xác lập tự động mà không qua đăng ký (trong lĩnh vực QTG, QLQ) hay phải đăng ký (lĩnh vực SHCN), thì các quy định liên quan đến thủ tục, thời hạn, thành phần hồ sơ v.v. tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch để khuyến khích, gia tăng hoạt động đăng ký, xác lập quyền SHTT nhằm tạo cơ sở, bằng chứng vững chắc trong việc xác định chủ thể quyền và đối tượng được bảo hộ, làm tiền đề cho việc khai thác quyền cũng như thực thi quyền sau này.

Một số sửa đổi cụ thể bao gồm: tạo cơ sở pháp lý để tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký trực tuyến QTG, QLQ; phân luồng ý kiến người thứ ba để đẩy nhanh quá trình thẩm định đơn; đơn giản hóa bản mô tả kiểu dáng công nghiệp; giới hạn việc kiểm soát an ninh đối với sáng chế; cho phép trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp; bổ sung một số quy định đặc thù về thủ tục giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHCN.

**Chính sách 4:** Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT, cụ thể:

Các quy định liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền SHTT được sửa đổi, hoàn thiện để bảo đảm mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội. Cụ thể:

- Bổ sung một số trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG, QLQ, các giới hạn QTG, QLQ nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ thể quyền tác giả với tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ tiếp cận tác phẩm, đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Bổ sung một số quy định nhằm kiểm soát sáng chế có sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen; bổ sung một số căn cứ chấm dứt hiệu lực, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ (sáng chế, nhãn hiệu); xử lý xung đột giữa nhãn hiệu với tên giống cây trồng, với đối tượng QTG, QLQ; sửa đổi các quy định về chủ thể đối với chỉ dẫn địa lý; làm rõ điều kiện bị coi là cạnh tranh không lành mạnh giữa tên miền với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý có trước.

**Chính sách 5:** Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT

Các nội dung sửa đổi nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hệ thống SHTT (bao gồm hoạt động đại diện, giám định), cụ thể là sửa đổi, bổ sung một số quy định theo hướng mở hơn nhằm tạo tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ đại diện (phân chia đại diện theo lĩnh vực; nới lỏng điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề đại diện tùy theo lĩnh vực); sửa đổi quy định về giám định theo hướng xác định rõ phạm vi giữa giám định SHTT với giám định tư pháp về SHTT; làm rõ ý nghĩa mang tính chứng cứ của kết luận giám định SHTT.

**Chính sách 6:** Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT

Các quy định liên quan đến thực thi quyền được sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền SHTT được hiệu quả, hợp lý và khả thi hơn, trong đó đáng chú ý là quy định bổ sung thẩm quyền chủ động áp dụng biện pháp kiểm soát tại biên giới nếu trong quá trình kiểm tra, giám sát và kiểm soát cơ quan hải quan phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng giả mạo SHTT.

**Chính sách 7:** Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và thông tin quản lý quyền để đảm bảo thực thi trong môi trường số; một số quy định về ngoại lệ QTG, QLQ;

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu; cơ chế bảo đảm thông tin cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường đối với dược phẩm; nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép nông hóa phẩm; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm; giả định về QTG, QLQ; quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông; nghĩa vụ chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là hàng giả mạo SHTT.

**4. Về Phần Quyền sở hữu công nghiệp**

- Bãi bỏ Điều 5 vì trùng lặp và chưa bảo đảm tính thống nhất với một số luật có liên quan (Bộ Luật Dân sự, Luật Ban hành VBQPPL, Luật Điều ước QT).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8: làm rõ chính sách của Nhà nước là sẽ hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín dụng và đầu tư để khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ.

*“2. Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ thông qua hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.*

*3. Hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra, nhận chuyển giao, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phục vụ lợi ích công cộng; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.”.*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 128:

+ sửa đổi tên Điều 128;

+ bổ sung khoản 3 quy định liên quan đến nghĩa vụ bảo đảm cơ hội cho chủ sở hữu thực thi quyền đối với sáng chế (phù hợp Đ18.53 CPTPP);

+ bổ sung khoản 4 quy định bảo hộ dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm với thời hạn bảo hộ độc quyền 10 năm tính từ ngày người nộp đơn được cấp phép (phù hợp Đ18.47 CPTPP).

*“****Điều 128. Nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu thử nghiệm***

*1. Trong trường hợp pháp luật có quy định người nộp đơn xin cấp phép lưu hành dược phẩm, nông hóa phẩm phải cung cấp kết quả thử nghiệm hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác là bí mật kinh doanh thu được do đầu tư công sức đáng kể và người nộp đơn có yêu cầu giữ bí mật các thông tin đó thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để các dữ liệu đó không bị sử dụng nhằm mục đích thương mại không lành mạnh và không bị bộc lộ, trừ trường hợp việc bộc lộ là cần thiết nhằm bảo vệ công chúng.*

*2. Đối với dược phẩm, kể từ khi dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép được nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này đến hết thời hạn năm năm tính từ ngày người nộp đơn được cấp phép, cơ quan đó không được cấp phép cho bất kỳ người nào nộp đơn muộn hơn nếu trong đơn sử dụng dữ liệu bí mật nêu trên mà không được sự đồng ý của người nộp dữ liệu đó, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 125 của Luật này.*

*3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm cho phép người nộp đơn sau dựa vào việc một dược phẩm đã được cấp phép lưu hành hoặc dữ liệu chứng minh tính an toàn, hiệu quả của một dược phẩm đã được cấp phép lưu hành để xin cấp phép lưu hành cho một dược phẩm khác thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải công bố trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền đó về thông tin của đơn nộp sau trong thời hạn năm tháng trước khi dược phẩm trong đơn nộp sau được cấp phép lưu hành, trừ trường hợp việc cấp phép lưu hành cần được thực hiện sớm hơn theo quy định của luật khác có liên quan.*

*4. Đối với nông hóa phẩm, kể từ khi dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép được nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này đến hết thời hạn mười năm tính từ ngày người nộp đơn được cấp phép, cơ quan đó không được cấp phép cho người nộp đơn muộn hơn nếu trong đơn sử dụng dữ liệu bí mật nêu trên hoặc dựa vào việc người nộp dữ liệu bí mật nêu trên được cấp phép lưu hành mà không được sự đồng ý của người nộp dữ liệu đó, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 125 của Luật này hoặc việc cấp phép là cần thiết để bảo đảm quốc phòng, an ninh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.”.*

- Hiệu lực thi hành quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm (khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT): Quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2024.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 153: bỏ trách nhiệm thông báo các khoản và mức phí dịch vụ, chỉ cần thông báo khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước.

*“1. Đại diện sở hữu công nghiệp có trách nhiệm sau đây:*

*a) Thông báo các khoản, mức phí, lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng;*

*b) Giữ bí mật thông tin, tài liệu được giao liên quan đến vụ việc mà mình đại diện;*

*c) Thông tin trung thực và đầy đủ các thông báo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; giao kịp thời văn bằng bảo hộ và các quyết định khác cho bên được đại diện;*

*d) Thực hiện kịp thời các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với bên được đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên được đại diện;*

*đ) Thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp các thay đổi về tên, địa chỉ và thông tin khác của bên được đại diện khi cần thiết.”*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 154: cho phép các tổ chức chỉ cần có ít nhất 01 cá nhân có Chứng chỉ hành nghề (không cần phải là người đứng đầu hoặc được người đứng đầu ủy quyền như pháp luật hiện hành);

*“****Điều 154. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp***

*1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, được kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp với danh nghĩa tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*

*2. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam không được kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.”.*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 155 (Điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp):

+ Phân chia 2 nhóm lĩnh vực với điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN khác nhau: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

+ bổ sung quy định công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư và thường trú tại Việt Nam thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN trong lĩnh vực (i) nếu đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về SHCN được cơ quan có thẩm quyền công nhận (không yêu cầu phải qua kỳ kiểm tra nghiệp vụ);

- Sửa đổi, bổ sung Điều 156: bổ sung quy định về việc thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN đối với cá nhân nếu không đáp ứng điều kiện hành nghề tại Điều 155.

*“2. Cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này:*

*a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;*

*b) Thường trú tại Việt Nam;*

*c) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương chuyên ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;*

*d) Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;*

*đ) Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp;*

*e) Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.*

*2a. Công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư, thường trú tại Việt Nam thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh nếu đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận.”*